

**Số: 135/2020/QĐST- HNGĐ**

*M, ngày 17 tháng 11 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M - TỈNH HƯNG YÊN**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 125/2020/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Vũ Xuân H, Sinh năm: 1991

Địa chỉ: Xóm C, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chị Phạm Thị H; Sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn T, xã H, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về thẩm quyền:* Anh Vũ Xuân H và chị Phạm Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N năm 2018, như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Anh H, chị H đều đề nghị Tòa án nhân dân thị xã M công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự giữa anh chị. Vì vậy, Tòa án nhân dân thị xã M thụ lý, giải quyết việc dân sự với quan hệ pháp luật là *Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự* là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 35 và điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Trong quá trình sống cùng nhau anh H, chị H xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống; vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi nhau. Anh chị đều xác định không thể tiếp tục chung sống nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Việc anh chị cùng thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là tự nguyện nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn của anh chị theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Anh chị không có con chung nên anh chị đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Thỏa thuận trên của anh chị là hoàn toàn tự nguyện nên được Tòa án ghi nhận.

[4] *Về tài sản chung, về nợ, về ruộng nông nghiệp, công sức*: Anh chị thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Thỏa thuận trên của anh chị hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau.**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Xuân H và chị Phạm Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Vũ Xuân H và chị Phạm Thị H không có con chung, anh chị thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, về nợ, ruộng nông nghiệp, công sức: Anh Vũ Xuân H và chị Phạm Thị H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Vũ Xuân H tự nguyện chịu toàn bộ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào 300.000 đồng anh H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí Tòa án số 0004321 ngày 05/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh Hưng Yên. Anh H đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND thị xã M;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

#### **THẨM PHÁN**

***Trần Ngọc Lâm***